

Số: 90 /QĐ-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 24 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử từ hạt nhựa nguyên sinh, công suất 45.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 20.000 tấn sản phẩm/năm); gia công, lắp ráp thiết bị điện tử, gia dụng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350.000 tấn sản phẩm/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m²” của Công ty TNHH Platel Vina tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trong KCN trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Theo văn bản số 5639/KCNĐN-MT ngày 17/12/2021 của Ban quản lý các KCN về việc kết quả thẩm định thông qua họp Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM dự án của Công ty TNHH Platel Vina;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số 14.02/CV-PLATEL đề ngày 14/02/2022 của Công ty TNHH Platel Vina;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử từ hạt nhựa nguyên sinh, công suất 45.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 20.000 tấn sản phẩm/năm); gia công, lắp ráp thiết bị điện tử, gia dụng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350.000 tấn sản phẩm/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m²” tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Platel Vina (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước cấp có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Giấy xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường số 128/XN-KCNĐN ngày 30/12/2020 của Ban quản lý các KCN Đồng Nai cho dự án “Nhà máy sản xuất vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử từ nhựa với quy mô 3.000.000 sản phẩm/năm, tương đương 400 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Platel Vina tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- UBND tỉnh (đề b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Thành phố Biên Hòa;
- Công ty CP Đô thị Amata Biên Hòa;
- Website của BQL;
- Lưu VT, MT (Tuyệt).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Văn Danh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “Nhà máy sản xuất vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử từ hạt nhựa nguyên sinh, công suất 45.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 20.000 tấn sản phẩm/năm); gia công, lắp ráp thiết bị điện tử, gia dụng công suất 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350.000 tấn sản phẩm/năm) và cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000 m²” của Công ty TNHH Platel Vina tại KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Kèm theo Quyết định số...10.../QĐ-KCNĐN ngày...24.tháng..3...năm 2022 của Trưởng ban Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Chủ Dự án: Công ty TNHH Platel Vina.

Địa chỉ liên hệ: KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Vị trí Dự án: KCN Long Bình (Amata), phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Diện tích đất sử dụng: 28.744 m².

1.4. Quy mô, công suất của Dự án:

- Sản xuất vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử từ hạt nhựa nguyên sinh với quy mô: 45.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 20.000 tấn sản phẩm/năm).

- Gia công, lắp ráp thiết bị điện tử, gia dụng với quy mô: 10.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 1.350.000 tấn sản phẩm/năm).

- Kinh doanh bất động sản (cho thuê nhà xưởng với diện tích 5.000m²): Cho thuê các dự án sản xuất không phát sinh nước thải sản xuất; ngành nghề tương tự với mục tiêu của dự án (sản xuất linh kiện, thiết bị điện, điện tử).

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

- Quy trình sản xuất vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử từ hạt nhựa nguyên sinh:

Nguyên liệu (hạt nhựa nguyên sinh) → nạp liệu → sấy → đùn, ép → gọt rìa → thổi bụi → dán tem/in logo → sấy → kiểm tra → lắp ráp → đóng gói → lưu kho.

- Quy trình gia công, lắp ráp thiết bị điện tử gia dụng:

Nguyên liệu (các loại vỏ thiết bị điện tử, linh kiện điện, điện tử bằng nhựa và các loại linh kiện điện, điện tử, phụ kiện, dây điện, ống đồng, bản mạch điện tử...) → lắp ráp → sản phẩm

Công ty cam kết tất cả các hóa chất, nguyên – nhiên – vật liệu sử dụng đều nằm trong các danh mục cho phép của nhà nước và pháp luật.

1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 11.371,33 m² chiếm 39,56 % tổng diện tích đất.

- Diện tích đất bố trí trồng cây xanh, thảm cỏ: 5.868,85 m² chiếm 20,42% tổng diện tích đất.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên từ dự án và từ nhà xưởng cho thuê; không phát sinh nước thải sản xuất.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển; từ quá trình xuất nhập nguyên nhiên liệu, hóa chất và sản phẩm của dự án và xưởng cho thuê; từ quá trình nghiền nhựa; mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và quá trình lưu chứa chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án và xưởng cho thuê.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển: Bụi, SO₂, NO_x, CO,..

- Bụi từ quá trình xuất nhập nguyên nhiên liệu, hóa chất và sản phẩm của dự án và xưởng cho thuê.

- Bụi, khí thải từ quá trình nghiền nhựa; từ quá trình lắp ráp;...

- Mùi nhựa, khí thải từ hoạt động đùn ép nhựa

- Hơi dung môi từ công đoạn in logo

- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải và quá trình lưu chứa chất thải sinh hoạt: H₂S, NH₃, mercaptan....

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt, nhà ăn: khoảng 92,2m³/ngày (công nhân viên làm việc tại nhà máy: 420 người; tại xưởng cho thuê: 250 người). Thông số đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (TSS), BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ (N), Tổng Phốt pho (P), Dầu mỡ động thực vật; Coliform.

- Nước thải sản xuất: không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường từ quá trình sản xuất phát sinh khoảng: 775.004 tấn/năm (bao gồm: rìa, ba via, sản phẩm kém chất lượng, pallet, gỗ vụn, giấy, carton, nilon, bùn từ hệ thống xử lý nước thải ,...).

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên phát sinh khoảng: 335 kg/ngày (bao gồm: bao bì thải, vỏ lon nước giải khát thải, hộp đựng thức ăn thải, thức ăn thừa,...).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng: khoảng 2,512 tấn/năm.

- Thành phần: Hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin ắc quy thải, giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt, hóa chất, dầu động cơ thải, hóa chất thải từ quá trình sản xuất, hóa chất hết hạn sử dụng, bao bì cứng bằng kim loại, các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải ,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải:

- Bố trí máy móc phát sinh bụi tập trung tại một khu vực riêng và không dùng quạt thổi trong khu vực để hạn chế phát sinh bụi vào không khí.
- Thực hiện thông thoáng nhà xưởng và lắp đặt các quạt hút thông gió.
- Vận hành thiết bị gia nhiệt ở nhiệt độ phù hợp hóa dẻo nhựa, ngăn ngừa mùi nhựa bị cháy phát sinh mùi.
- Bố trí các khu vực để máy gia nhiệt nóng chảy hạt nhựa, đùn sản phẩm thông thoáng.
- Trang bị khẩu trang, bảo hộ lao động cho công nhân tại khu vực máy đùn ép.

3.2. Công trình thu gom và xử lý nước thải:

- Hệ thống thoát nước mưa của dự án được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải và được đấu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 01 vị trí.

- Nước thải sinh hoạt, nhà ăn (sau xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn, bể tách dầu mỡ) được thu gom đưa về 01 hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 120 m³/ngày để xử lý trước khi đấu nối với KCN Amata. *Sơ lược quy trình xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tách dầu → bể thu gom → bể điều hòa → cụm bể sinh học thiếu khí (Anoxic) - sinh học hiếu khí (Aerotank) → bể lắng sinh học → bể trung chuyển → đấu nối với KCN Amata.*

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động cho thuê xưởng (không phát sinh nước thải sản xuất) được thu gom chung đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 120 m³/ngày của Chủ dự án để xử lý đạt giới hạn trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.

- Bùn từ bể tự hoại và bùn từ hệ thống xử lý nước thải được giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

+ Đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Amata, trước khi đấu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Amata.

+ Bố trí vị trí đấu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

+ Ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Amata.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh và thu gom về khu tập kết chất thải rắn sinh hoạt. Bố trí khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích: 45 m² (trong đó: khu chứa chất thải rắn sinh hoạt 15 m²; khu chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại 30 m²) để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển,

xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường (đối với Chủ dự án và đơn vị thuê nhà xưởng):

+ Thu gom, xử lý các loại CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Bố trí khu lưu giữ CTNH (diện tích 15 m²) để lưu giữ tạm thời, sau đó được chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường (đối với Chủ dự án và đơn vị thuê nhà xưởng):

+ Thu gom, xử lý các loại CTNH phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và các ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án; thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi, không phát tán mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường theo các biện pháp đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.

- Trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà xưởng để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Đảm bảo nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Xây dựng phương án, kế hoạch/biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp trình cơ quan có

thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Yêu cầu: Trường hợp xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, Công ty phải ngưng hoạt động công đoạn sản xuất phát sinh chất thải; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự cố môi trường và thực hiện khắc phục theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- 01 hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 120 m³/ngày.đêm
- 01 Khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt diện tích 15 m²
- 01 Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 30 m².
- 01 Khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 15 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án:

5.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí: tại hố ga đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Amata.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, tổng N, tổng P, tổng dầu mỡ khoáng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Giới hạn tiếp nhận nước thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt của KCN Amata.

5.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và nguy hại: Giám sát khối lượng chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh, phân định, phân loại các loại chất thải rắn phát sinh để bảo quản theo quy định.

5.3. Giám sát môi trường lao động:

Thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định liên quan.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Trong giai đoạn chuẩn bị, lắp đặt thiết bị của dự án:

- Quản lý, kiểm soát, xử lý nước thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại và các loại chất thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, quy định về quản lý chất thải xây dựng theo Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng, quy định về quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6.2. Trong giai đoạn vận hành thương mại Dự án:

- Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

- Bảo đảm nguồn lực; trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước, an toàn hóa chất và các quy định pháp luật có liên quan khác.

- Duy trì, đảm bảo diện tích cây xanh đạt tỷ lệ tối thiểu 20% theo quy định.

6.3. Trách nhiệm của Chủ dự án:

- Thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

7. Liên quan điều khoản chuyển tiếp:

Hồ sơ của Công ty nộp trước ngày 01/01/2022 nên được xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 171 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI.